BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày **01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)**

MCCB (APTOMAT) loại 2 Pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA**	**Giá bán**
ABN52c	**15-20-30-40-50A**	30	480,000
ABN62c	**60A**	30	570,000
ABN102c	15-20-30-40-50-60-**75-100A**	35	650,000
ABN202c	125-150-175-200-225-**250A**	65	1,230,000
ABN402c	**250-300-350-400A**	50	3,050,000
ABS32c	**10A**	25	520,000
ABS102c	75-100-**125A**	85	950,000
BS32c (ko vỏ)	**6-10-15-20-30A**	1.5	70,000
BS32c w/c (có vỏ)	**6-10-15-20-30A**	1.5	78,000
MCCB (APTOMAT) loại 3 Pha			
ABN53c	**15-20-30-40-50A**	18	570,000
ABN63c	**60A**	18	680,000
ABN103c	**15,20,30,40,50,60,75,100A**	22	760,000
ABN203c	**100,125,150,175,200,225,250A**	30	1,450,000
ABN403c	**250-300-350-400A**	42	3,620,000
ABN803c	**500-630A**	45	7,480,000
ABN803c	**800A**	45	8,450,000
ABS33c	**5A-10A**	14	610,000
ABS53c	**15-20-30-40-50A**	22	680,000
ABS103c	**15,20,30,40,50,60,75,100,125A**	42	1,120,000
ABS203c	**150,175,200,225,250A**	42	1,850,000
ABS403c	**250-300-350-400A**	65	4,000,000
ABS803c	**500-630A**	75	10,000,000
ABS803c	**800A**	75	11,500,000
ABS1003b	**1000A**	65	19,600,000
ABS1203b	**1200A**	65	21,500,000
MCCB (Áptomat) 3 Pha loại Chỉnh dòng (0.8~1) x In max			
ABE 103G	**63-80-100A**	16	1,450,000
ABS 103G	**80-100A**	25	1,775,000
ABE 203G	**125-160-200-250A**	16	1,600,000
ABS 203G	**125-160-200-250A**	25	1,990,000
TD100N FMU100	**32-40-50-63-80-100A**	50	1,615,000
TD160N FMU160	**125A**	50	2,385,000
TD160N FMU160	**160A**	50	3,110,000
TS250N FMU250	**200A**	50	3,860,000
TS250N FMU250	**250A**	50	5,066,000
TS400N FMU400	**300, 400A**	65	5,215,000
TS630N FMU630	**500, 630A**	65	6,950,000
TS800N FMU800	**800A**	65	11,000,000
TS1000N 3P	**(AG6) 1000A**	50	43,000,000
TS1250N 3P	**(AG6) 1250A**	50	44,000,000
TS1600N 3P	**(AG6) 1600A**	50	46,000,000

PHỤ KIỆN MCCB		
Busbar ABN/S803c	500-600-800A	690,000
Spreader SP33a	TS400-TS630	500,000
Spreader SP43	TS800	840,000
Busbar for	3P TS1600	5,800,000

ELCB & RCCB (chống rò điện) loại 2 pha			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
32GRc	**15-20-30A**	1.5	235,000
32GRhd	**15-20-30A**	2.5	210,000
32KGRd	**15-20-30A**	2.5	235,000
EBS52Fb	**40-50A**	2.5	420,000
EBE102Fb	**60-75-100A**	5	740,000
RKP 1P+N	**3-6-10-16-20-25-32A**	4.5	250,000
RKS 1P+N	6-10-16-20-25-32A	10	515,000
RKN 2P	**25-32-40A**		480,000
RKN 2P	**63A**		490,000
ELCB (chống rò điện) loại 3 pha			
EBN53c	**15,20,30,40,50A**	14	1,390,000
EBN103c	**60,75,100A**	18	1,500,000
EBN203c	**25,150,175,200,225,250A**	26	2,870,000
EBN403c	**250-300-350-400A**	37	6,800,000
EBN803c	**500,630A**	37	9,900,000
EBN803c	**800A**	37	10,500,000
ACB METASOL 3 Pha (loại FIXED)			
AN-06D3-06H	630A	65	43,950,000
AN-08D3-08H	800A	65	46,500,000
AN-10D3-10H	1000A	65	46,950,000
AN-13D3-13H	1250A	65	47,400,000
AN-16D3-16H	1600A	65	49,000,000
AS-20E3-20H	2000A	85	53,450,000
AS-25E3-25H	2500A	85	59,500,000
AS-32E3-32H	3200A	85	72,950,000
AS-40E3-40H	4000A	85	108,350,000
AS-50F3-50H	5000A	100	136,650,000
AS-63G3-63H	6300A	120	199,850,000
PHỤ KIỆN ACB			
Bộ bảo vệ thấp áp	nder Voltage Trip Device (UVT coi		2,265,000
(UVT+UDC)	UVT Time Delay Controller		6,235,000
Khóa liên động	2-way (dùng cho 2 ACB)		19,840,000
Mechanical Interloc	3-way (dùng cho 3 ACB)		39,680,000
PHỤ KIỆN MCCB			
Shunt Trip (SHT)	ABN53c~ABH250c		720,000
	ABN400~ABS800AF		850,000
	ABS1000A & 1200A		2,100,000
	TS1000~1600		1,060,000
Under Vol. Trip (UVT	ABN53c~ABH250c		900,000
	ABN400~ABS800AF		970,000
	1200AF		2,260,000
Auxiliary switch (AX)	ABN53c~ABH250c		280,000
	ABN400~ABS800AF		420,000
	1200AF		1,350,000
Alarm switch (AL)	ABN53c~ABH250c		280,000
	ABN400~ABS800AF		420,000
	1200AF		1,350,000
AL/AX	ABN53c~ABH250c		600,000

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

MCB (CB tép)			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA**	**Giá bán**
BKN -1P (1 tép)	6-10-16-20-25-32-40A	6	60,000
	50-63A	6	63,000
BKN -2P (2 tép)	6-10-16-20-25-32-40A	6	133,000
	50-63A	6	135,000
BKN -3P (3 tép)	6-10-16-20-25-32-40A	6	210,000
	50-63A	6	214,000
BKN -4P (4 tép)	6-10-16-20-25-32-40A	6	365,000
	50-63A	6	405,000
BKN-b 1P	6~40A	10	90,000
	50~63A	10	106,000
BKN-b 2P	6~40A	10	190,000
	50~63A	10	230,000
BKN-b 3P	6~40A	10	308,000
	50~63A	10	412,000
BKN-b 4P	6~40A	10	495,000
	50~63A	10	620,000
BKH 1P	80-100A	10	165,000
	125A	10	185,000
BKH 2P	80-100A	10	385,000
	125A	10	425,000
BKH 3P	80-100A	10	620,000
	125A	10	685,000
BKH 4P	80-100	10	805,000
	125	10	890,000

SWITCH DISCONNECTOR		
Tên hàng	**In (A)**	**Giá bán**
BKD 1P	40,50,63,80,100A	60,000
BKD 2P	40,50,63,80,100A	129,000
BKD 3P	40,50,63,80,100A	205,000
BKD 4P	40,50,63,80,100A	293,000

ACB **METASOL** 3 POLES (DRAW OUT)			
Tên hàng	**In (A)**	**cu (KA**	**Giá bán**
AN-06D3-06A	600A	65	58,200,000
AN-08D3-08A	800A	65	58,400,000
AN-10D3-10A	1000A	65	58,600,000
AN-13D3-13A	1250A	65	58,800,000
AN-16D3-16A	1600A	65	59,000,000
AS-20D3-20A	2000A	70	64,500,000
AS-20E3-20A	2000A	85	65,200,000
AS-25E3-25A	2500A	85	68,000,000
AS-32E3-32A	3200A	85	82,800,000
AS-40E3-40A	4000A	85	151,800,000
AS-40F3-40A	4000A	100	153,000,000
AS-50F3-50A	5000A	100	160,200,000
AS-40G3-40A	4000A	120	219,000,000
AS-50G3-50A	5000A	120	245,900,000
AS-63G3-63A	6300A	120	284,700,000

MCCB SUSOL 3 PHA			
Tên hàng	**In (A)**	**cu(KA**	**Giá bán**
FTU: Fixed thermal, fixed magnetic trip units			
TD100N FTU100	-20-25-32-40-50-63-80-10	50	1,540,000
TD160N FTU160	125A	50	2,145,000
TD160N FTU160	160A	50	2,950,000
TS250N FTU250	125-160-200A	50	3,670,000
TS250N FTU250	250A	50	4,815,000
TS400N FTU400	300-400A	65	4,950,000
TS630N FTU630	500, 630A	65	6,260,000
TS800N FTU800	800A	65	9,910,000
FMU: Adjustable thermal, fixed magnetic trip units (0.8~1)			
TD100N FMU100	32-40-50-63-80-100A	50	1,615,000
TD160N FMU160	125A	50	2,385,000
TD160N FMU160	160A	50	3,110,000
TS250N FMU250	200A	50	3,860,000
TS250N FMU250	250A	50	5,066,000
TS400N FMU400	300, 400A	65	5,215,000
TS630N FMU630	500, 630A	65	6,950,000
TS800N FMU800	800A	65	11,000,000
ATU: Adjustable thermal, Adjustable magnetic trip units			
TS160N ATU160	160A	50	3,400,000
TS250N ATU250	200A	50	4,065,000
TS250N ATU250	250A	50	5,330,000
ETU: Electronic trip units: chỉnh 13 bước từ 0.4->1 x In			
TS250N ETS23	250A	50	5,905,000
TS400N ETS33	400A	65	6,095,000
TS630N ETS33	630A	65	7,830,000
TS800N ETS43	800A	65	12,380,000
TS1000N 3P	(trip AG6) 1000A	50	43,000,000
TS1250N 3P	(trip AG6) 1250A	50	44,000,000
TS1600N 3P	(trip AG6) 1600A	50	46,000,000

PHỤ KIỆN MCCB Susol		
Shunt release: SHT for TD, TS100->800		635,000
Undervoltage release: UVT for TD, TS100->800		895,000
Auxiliary switch: AX for TD, TS100->800		278,000
Alarm switch: AL for TD, TS100->800		278,000
Fault alarm switch: FAL for TD, TS100->800		278,000
Motor operator: MOP1 for TD100, 160		3,860,000
Motor operator: MOP2 for TS100, 160, 250		4,830,000
Motor operator: MOP3 for TS400, 630		7,420,000
Motor operator: MOP4 for TS800		9,460,000
Spreader SP33a	TS400-TS630	500,000
Spreader SP43	TS800	840,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

KHỞI ĐỘNG TỪ 3 PHA (CONTACTOR 3 POLES)		
Tên hàng	**In (A)**	**Giá bán**
MC-6a (1)	6A (1a)	200,000
MC-9a (1)	9A (1a)	220,000
MC-12a (1)	12A (1a)	235,000
MC-18a (1)	18A (1a)	375,000
MC-9b (2)	9A (1a1b)	230,000
MC-12b (2)	12A (1a1b)	260,000
MC-18b (2)	18A (1a1b)	385,000
MC-22b (2)	22A (1a1b)	470,000
MC-32a (2)	32A (2a2b)	690,000
MC-40a (2)	40A (2a2b)	810,000
MC-50a (3)	50A (2a2b)	860,000
MC-65a (3)	65A (2a2b)	970,000
MC-75a (4)	75A (2a2b)	1,200,000
MC-85a (4)	85A (2a2b)	1,510,000
MC-100a (4)	100A (2a2b)	1,850,000
MC-130a (5)	130A (2a2b)	2,150,000
MC-150a (5)	150A (2a2b)	2,580,000
MC-185a (6)	185A (2a2b)	4,100,000
MC-225a (6)	225A (2a2b)	4,200,000
MC-265a (7)	265A (2a2b)	6,350,000
MC-330a (7)	330A (2a2b)	6,800,000
MC-400a (7)	400A (2a2b)	7,300,000
MC-500a (8)	500A (2a2b)	14,500,000
MC-630a (8)	630A (2a2b)	15,600,000
MC-800a (8)	800A (2a2b)	18,540,000

TỤ BÙ (CAPACITOR FOR CONTACTOR)		
AC-9	MC-6a~40a	320,000
AC-50	MC-50a~100a	390,000

TIẾP ĐIỂM PHỤ		
UA-1 (bên hông)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	65,000
AU-2 (bên trên)	1NO+1NC dùng cho MC-6a~150a	62,000
AU-4 (bên trên)	2NO+2NC dùng cho MC-6a~150a	115,000
AU-100 (bên hông	NO+2NC dùng cho MC-185a~800	180,000

KHÓA LIÊN ĐỘNG		
UR-2	MC-6a~150a	88,000
AR-180	MC-185a~400a	640,000
AR-600	MC-500a~800a	9,500,000

CONTACTOR RELAYS		
MR-4 (2NO+2NC	4 Poles AC	250,000
MR-6 (3NO+3NC	6 Poles AC	310,000
MR-8 (4NO+4NC	8 Poles AC	370,000
MR-4 (2NO+2NC	4 Poles DC	350,000
MR-6 (3NO+3NC	6 Poles DC	415,000
MR-8 (4NO+4NC	8 Poles DC	470,000

RƠ LE NHIỆT		
Tên hàng	**In (A)**	**Giá bán**
MT-12 (1)	0.63~18A	180,000
MT-32 (2)	0.63~19A	235,000
MT-32 (2)	21.5~40A	250,000
MT-63 (3)	34-50,45-65A	580,000
MT-95 (4)	54-75, 63-85, 70-95, 80-100A	750,000
MT-150 (5)	80-105A, 95-130A,110-150A	1,150,000
MT-225 (6)	85-125,100-160,120-185,160-240A	2,150,000
MT-400 (7)	200-330A và 260-400A	3,100,000
MT-800 (8)	400-630A và 520-800A	8,500,000

(1) *MT-12 dùng cho từ MC-6a đến MC-18a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A;4-6A; 5-8A; 6-9A; 7-10A; 9-13A; 12-18A;*

(2) *MT-32 dùng cho MC-9b đến MC-40a gồm các loại từ: 0.63-1A; 1-1.6A; 1.6-2.5A; 2.5-4A;4-6A; 5-8A; 6-9A; 16-22A; 18-25A; 22-32A; 28-40A;*

(3) *MT-63 dùng cho từ MC-50a đến MC-65a gồm các loại: 34-50A và 45-65A;*

(4) *MT-95 dùng cho từ MC-75a, MC-85a và MC-100a*

(5) *MT-150a dùng cho MC-130 & MC-150a*

(6) *MT-225 dùng cho MC-185a và MC-225a*

(7) *MT-400 dùng cho MC-265a, MC-330a và MC-400a*

(8) *MT-800 dùng cho MC-500a, MC-630A và MC-800a*

CUỘN HÚT KHỞI ĐỘNG TỪ	
Coil for MC6a, 9a, 12a, 18a, 9b, 12b, 18b, 22b	80,000
Coil for MC32a, 40a	80,000
Coil for MC-50a, 65a	190,000
Coil for MC-75a, 85a, 100a	190,000
Coil for MC-130a, 150a	880,000
Coil for MC-185a, 225a	1,170,000
Coil for MC-330a, 400a	2,050,000
Coil for MC-630a, 800a	3,530,000

DÂY ĐẤU NỐI LIÊN ĐỘNG (WIRE ASS'Y for UR-2)	
UW-18 dùng cho MC-6a~18a	180,000
UW-22 dùng cho MC-9b~22b	180,000
UW-32 dùng cho MC-32a & 40a	200,000
UW-63 dùng cho MC-50a & 65a	230,000
UW-95 dùng cho MC-75a ~ 100a	460,000

NẮP CHỤP BẢO VỆ	
SAFETY COVER dùng cho MC-6a~150a	6,500
SAFETY COVER dùng cho MC-185a~800a	12,000

HỘP CHO KHỞI ĐỘNG TỪ		
MW-9bB~22bB	dùng cho MC-6a~18a, 9b~22b	480,000
MW-32aB/40aB	dùng cho MC-32a, 40a	550,000
MW-50aB/65aB	dùng cho MC-50a, 65a	750,000
MW-75aB~100aB	dùng cho MC-75a, 85a, 100a	850,000

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

MCCB 4 POLES			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu(KA)**	**Giá bán**
ABN54c	15-20-30-40-50A	18	865,000
ABN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	22	990,000
ABN204c	125,150,175,200,225,250A	30	1,880,000
ABN404c	250-300-350-400A	42	4,600,000
ABN804c	500-630	45	9,500,000
ABN804c	800A	45	10,600,000
ABS104c	50,60,75,100,125A	42	1,450,000
ABS204c	150,200,250A	42	2,400,000
ABS404c	250-300-350-400A	65	5,200,000
ABS804c	500-630A	75	12,800,000
ABS804c	800A	75	14,500,000
ABS1004b	1000A	65	23,000,000
ABS1204b	1200A	65	24,500,000
TS1000N 4P	***(Susol-Trip AG6) 1000A***	*50*	*45,000,000*
TS1250N 4P	***(Susol-Trip AG6) 1250A***	*50*	*48,000,000*
TS1600N 4P	***(Susol-Trip AG6) 1600A***	*50*	*54,000,000*

CONTACTOR 4 Poles AC (Metasol)			
Tên hàng	**Tiếp điểm phụ**	**Frame A**	**Giá bán**
MC-6a/4		6A	290,000
MC-9a/4		9A	300,000
MC-12a/4		12A	330,000
MC-18a/4		18A	430,000
MC-22a/4		22A	520,000
MC-32a/4		32A	730,000
MC-40a/4		40A	890,000
MC-50a/4		50A	950,000
MC-65a/4		65A	1,140,000
MC-75a/4		75A	1,450,000
MC-85a/4		85A	1,860,000
MC-100a/4	(2a2b)	100A	2,880,000
MC-130a/4	(2a2b)	130A	3,350,000
MC-150a/4	(2a2b)	150A	4,950,000
MC-185a/4	(2a2b)	185A	5,600,000
MC-225a/4	(2a2b)	225A	5,750,000
MC-265a/4	(2a2b)	265A	8,700,000
MC-330a/4	(2a2b)	330A	9,300,000
MC-400a/4	(2a2b)	400A	9,950,000
MC-500a/4	(2a2b)	500A	19,800,000
MC-630a/4	(2a2b)	630A	21,450,000
MC-800a/4	(2a2b)	800A	23,500,000

ELCB & RCCB 4P (chống rò điện)			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Giá bán**
RKN 4P	25-32-40A		560,000
RKN 4P	63A		648,000
EBN104c	15,20,30,40,50,60,75,100A	18	2,655,000
EBS104c	5,20,30,40,50,60,75,100,125	37	3,000,000
EBS204c	125,150,175,200,225,250A	37	5,100,000
EBN404c	250,300,350,400A	37	11,300,000

ACB METASOL 4 POLES (FIXED)			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Giá bán**
AN-06D4-06H	630A	65	49,150,000
AN-08D4-08H	800A	65	51,950,000
AN-10D4-10H	1000A	65	52,950,000
AN-13D4-13H	1250A	65	54,350,000
AN-16D4-16H	1600A	65	55,300,000
AS-20E4-20H	2000A	85	61,700,000
AS-25E4-25H	2500A	85	68,300,000
AS-32E4-32H	3200A	85	83,500,000
AS-40E4-40H	4000A	85	129,500,000
AS-40F4-40H	4000A	100	137,000,000
AS-50F4-50H	5000A	100	158,000,000
AS-63G4-63H	6300A	120	280,500,000

ACB **METASOL** 4 POLES (DRAW OUT)			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Giá bán**
AN-06D4-06A	600A	65	64,600,000
AN-08D4-08A	800A	65	64,800,000
AN-10D4-10A	1000A	65	66,650,000
AN-13D4-13A	1300A	65	66,800,000
AN-16D4-16A	1600A	65	67,000,000
AS-20D4-20A	2000A	70	73,700,000
AS-20E4-20A	2000A	85	79,450,000
AS-25E4-25A	2500A	85	81,150,000
AS-32E4-32A	3200A	85	92,500,000
AS-40E4-40A	4000A	85	191,650,000
AS-40F4-40A	4000A	100	239,200,000
AS-50F4-40A	5000A	100	272,590,000
AS-40G4-40A	4000A	120	302,100,000
AS-50G4-50A	5000A	120	339,450,000
AS-63G4-63A	6300A	120	393,200,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

MCCB (APTOMAT) 2 POLES			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABS102b	15-20-30-40-50-75A	50	800,000
ABE202b	150-200A	35	900,000

MCCB (APTOMAT) 3 POLES			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
ABE33b	15A	2.5	390,000
ABE103b	15-60A	14	630,000
ABS53b	15-40A	14	510,000
ABS103b	15-20A	25	925,000
ABH53b	20-40A	25	1,010,000
ABH103b	20-40A	35	1,000,000
ABL53a	30A-50A	65	1,390,000
ABL103a	75A	65	1,500,000
ABS803b	700A	65	9,100,000

MCCB (Áptomat) 3 Poles Chỉnh dòng			
Tên hàng	In (A)		Giá bán
GBN103	50A	35	1,487,000

CONTACTOR 3 POLES		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GMC-18	18A (1a1b)	300,000
GMC-40	40A (2a2b)	660,000
GMC-125	125A (2a2b)	1,950,000

RƠ LE NHIỆT		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
GTH-12M	1A~16A[9]	165,000
GTH-22	0.63~22A[1]	195,000
GTH-85	34~85A[3]	365,000
GTH-100	65-100A[4]	580,000

ELCB & RCCB (chống rò điện)			
Tên hàng	In (A)	Icu(KA)	Giá bán
EBE53b	10-15A	5	1,300,000
EBE203b	175-200A	18	2,700,000
EBE803b	700A	37	10,055,000

ELCB 4P (chống rò điện)			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
EBS54b	20-40-50A	25	2,640,000
EBS104b	40-50A	25	3,000,000

MCCB 4 POLES			
Tên hàng	In (A)	Icu (KA)	Giá bán
ABE104b	10-15-40-60A	14	825,000
ABE204b	175A	18	1,445,000
ABS54b	15-20-30A	14	860,000
ABS104b	15-20-40-75A	25	1,125,000
ABH104b	40-60-75A	35	1,210,000
ABH204b	150-225A	35	1,825,000

CONTACTOR 4 Poles AC (Metamec)			
Tên hàng	Tiếp điểm phụ	Frame A	Giá bán
GMC-22/4	(1a1b)	22A	655,000
GMC-40/4	(2a2b)	40A	1,145,000
GMC-75/4	(2a2b)	75A	1,745,000
GMC-85/4	(2a2b)	85A	2,195,000
GMC-125/4	(2a2b)	125A	3,395,000
GMC-180/4	(2a2b)	180A	6,850,000
GMC-220/4	(2a2b)	250A	7,130,000
GMC-400/4	(2a2b)	400A	10,700,000

MINI CONTACTOR 3 Poles AC		
GMC-6M	6A	165,000
GMC-12M	12A	195,000
GMC-16M	16A	285,000

phụ trang (Metamec)

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

VCB 24KV			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Giá bán**
LVB-20P-13D/06	630A	12.5KA	93,130,000
LVB-20E-13D/06	630A	12.5KA	105,480,000
LVB-20F-13D/06	630A	12.5KA	113,250,000
LVB-20G-13D/06	630A	12.5KA	149,580,000
LVB-20P-13D/12	1200A	12.5KA	117,210,000
LVB-20E-13D/12	1200A	12.5KA	129,560,000
LVB-20F-13D/12	1200A	12.5KA	137,330,000
LVB-20G-13D/12	1200A	12.5KA	175,710,000
LVB-20P-25D/06	630A	25KA	115,070,000
LVB-20E-25D/06	630A	25KA	127,420,000
LVB-20F-25D/06	630A	25KA	135,190,000
LVB-20G-25D/06	630A	25KA	173,440,000
LVB-20P-25D/12	1200A	25KA	125,710,000
LVB-20E-25D/12	1200A	25KA	138,060,000
LVB-20F-25D/12	1200A	25KA	145,835,000
LVB-20G-25D/12	1200A	25KA	183,980,000
LVB-20P-25D/20	2000A	25KA	142,510,000
LVB-20E-25D/20	2000A	25KA	165,790,000
LVB-20F-25D/20	2000A	25KA	174,090,000
LVB-20G-25D/20	2000A	25KA	207,500,000

VCB 24KV			
Tên hàng	**In (A)**	**Icu (KA)**	**Giá bán**
LVB-20P-13D/06T	630A	12.5KA	111,755,000
LVB-20E-13D/06T	630A	12.5KA	126,575,000
LVB-20F-13D/06T	630A	12.5KA	135,905,000
LVB-20G-13D/06T	630A	12.5KA	179,500,000
LVB-20P-13D/12T	1200A	12.5KA	140,650,000
LVB-20E-13D/12T	1200A	12.5KA	155,470,000
LVB-20F-13D/12T	1200A	12.5KA	164,800,000
LVB-20G-13D/12T	1200A	12.5KA	210,850,000
LVB-20P-25D/06T	630A	25KA	138,085,000
LVB-20E-25D/06T	630A	25KA	152,905,000
LVB-20F-25D/06T	630A	25KA	162,230,000
LVB-20G-25D/06T	630A	25KA	208,130,000
LVB-20P-25D/12T	1200A	25KA	150,855,000
LVB-20E-25D/12T	1200A	25KA	165,670,000
LVB-20F-25D/12T	1200A	25KA	175,000,000
LVB-20G-25D/12T	1200A	25KA	220,780,000
LVB-20P-25D/20T	2000A	25KA	171,000,000
LVB-20E-25D/20T	2000A	25KA	198,945,000
LVB-20F-25D/20T	2000A	25KA	208,905,000
LVB-20G-25D/20T	2000A	25KA	249,000,000
LVB-20M-25D/20	2000A	25KA	291,580,000

- GHI CHÚ: Giá này chưa bao gồm VAT (10%)

P = Fixed type

E = E class draw-out type

F = F class draw-out type

G = G class draw-out type

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN Q UỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

VCB Susol			VCB Susol		
Tên hàng		Giá bán	Tên hàng		Giá bán
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Fixed	54,230,000	3.6/7.2KV, 50KA, 3150A	Fixed	607,280,000
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Draw-out (E class)	62,410,000	3.6/7.2KV, 50KA, 3150A	Draw-out (G class for MCSG)	919,315,000
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Draw-out (F class)	69,515,000	3.6/7.2KV, 50KA, 4000A	Fixed	933,770,000
3.6/7.2KV, 8KA, 400A	Draw-out (G class for MESG)	78,375,000	3.6/7.2KV, 50KA, 4000A	Draw-out (G class for MCSG)	1,451,530,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Fixed	63,235,000	12KV, 20KA, 630A	Fixed	109,775,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Draw-out (E class)	73,500,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (E class)	137,230,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Draw-out (F class)	80,565,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (F class)	147,255,000
3.6/7.2KV, 12.5KA, 630A	Draw-out (G class for MESG)	90,300,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	223,340,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Fixed	93,320,000	12KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	244,910,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (E class)	111,475,000	12KV, 20KA, 1250A	Fixed	116,785,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (F class)	120,530,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (E class)	146,090,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (G class for MESG)	133,530,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (F class)	157,965,000
3.6/7.2KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	199,585,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	238,970,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Fixed	100,330,000	12KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	260,485,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (E class)	119,900,000	12KV, 20KA, 2000A	Fixed	145,845,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (F class)	129,585,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (E class)	203,920,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (G class for MESG)	143,555,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (F class)	215,940,000
3.6/7.2KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	214,630,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	285,360,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Fixed	149,835,000	12KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	316,370,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (E class)	201,245,000	12KV, 25KA, 630A	Fixed	119,360,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (F class)	213,950,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (E class)	147,255,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (G class for MESG)	226,460,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (F class)	157,625,000
3.6/7.2KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	293,345,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	236,825,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Fixed	101,400,000	12KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	259,365,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (E class)	119,995,000	12KV, 25KA, 1250A	Fixed	126,955,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (F class)	129,490,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (E class)	156,795,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (G class for MESG)	142,925,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (F class)	169,065,000
3.6/7.2KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	210,980,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	253,375,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Fixed	109,045,000	12KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	275,915,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (E class)	129,050,000	12KV, 25KA, 2000A	Fixed	158,500,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (F class)	139,225,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (E class)	218,570,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (G class for MESG)	153,680,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (F class)	231,130,000
3.6/7.2KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	226,845,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	302,690,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Fixed	162,880,000	12KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	335,600,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (E class)	215,845,000	12KV, 50KA, 1250A	Fixed	435,730,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (F class)	229,280,000	12KV, 50KA, 1250A	Draw-out (G class for MCSG)	577,830,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (G class for MESG)	242,375,000	12KV, 50KA, 2000A	Fixed	485,580,000
3.6/7.2KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	311,260,000	12KV, 50KA, 2000A	Draw-out (G class for MCSG)	634,390,000
3.6/7.2KV, 50KA, 1250A	Fixed	435,730,000	12KV, 50KA, 2500A	Fixed	536,060,000
3.6/7.2KV, 50KA, 1250A	Draw-out (G class for MCSG)	577,830,000	12KV, 50KA, 2500A	Draw-out (G class for MCSG)	805,890,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2000A	Fixed	485,580,000	12KV, 50KA, 3150A	Fixed	607,280,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2000A	Draw-out (G class for MCSG)	634,395,000	12KV, 50KA, 3150A	Draw-out (G class for MCSG)	919,315,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2500A	Fixed	536,060,000	12KV, 50KA, 4000A	Fixed	933,770,000
3.6/7.2KV, 50KA, 2500A	Draw-out (G class for MCSG)	805,890,000	12KV, 50KA, 4000A	Draw-out (G class for MCSG)	1,451,530,000

BẢNG GIÁ HÀNG *LS* SẢN XUẤT TẠI HÀN QUỐC (VNĐ)

(Áp dụng từ ngày 01-04-2012 - Giá chưa gồm Thuế VAT 10%)

VCB Susol		
		Giá bán
17.5KV, 20KA, 630A	Fixed	109,770,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (E class)	137,325,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (F class)	147,935,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	229,136,000
17.5KV, 20KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	249,775,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Fixed	116,785,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (E class)	146,090,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (F class)	157,965,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	244,420,000
17.5KV, 20KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	265,695,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Fixed	145,845,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (E class)	204,405,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (F class)	216,915,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	291,150,000
17.5KV, 20KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	322,355,000
17.5KV, 25KA, 630A	Fixed	119,360,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (E class)	147,355,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (F class)	158,355,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	242,670,000
17.5KV, 25KA, 630A	Draw-out (H class for MCSG)	264,235,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Fixed	126,960,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (E class)	156,800,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (F class)	169,065,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	258,830,000
17.5KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	281,125,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Fixed	158,500,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (E class)	219,060,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (F class)	232,105,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	308,485,000
17.5KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	341,585,000
17.5KV, 50KA, 1250A	Fixed	435,730,000
17.5KV, 50KA, 1250A	Draw-out (G class for MCSG)	577,830,000
17.5KV, 50KA, 2000A	Fixed	485,580,000
17.5KV, 50KA, 2000A	Draw-out (G class for MCSG)	634,390,000
17.5KV, 50KA, 2500A	Fixed	536,060,000

VCB Susol		
Tên hàng	In (A)	Giá bán
17.5KV, 50KA, 2500A	Draw-out (G class for MCSG)	805,890,000
17.5KV, 50KA, 3150A	Fixed	607,280,000
17.5KV, 50KA, 3150A	Draw-out (G class for MCSG)	919,315,000
24KV, 25KA, 2500A	Fixed	436,365,000
24KV, 25KA, 2500A	Draw-out (H class for MCSG)	595,060,000
24KV, 31.5KA, 1250A	Fixed	386,275,000
24KV, 31.5KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	533,725,000
24KV, 31.5KA, 2000A	Fixed	409,835,000
24KV, 31.5KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	576,660,000
24KV, 31.5KA, 3150A	Fixed	506,220,000
24KV, 31.5KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	697,630,000
24KV, 40KA, 1250A	Fixed	436,460,000
24KV, 40KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	586,835,000
24KV, 40KA, 2000A	Fixed	463,140,000
24KV, 40KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	633,955,000
24KV, 40KA, 3150A	Fixed	572,035,000
24KV, 40KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	768,455,000
36KV, 25KA, 1250A	Fixed	372,110,000
36KV, 25KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	685,215,000
36KV, 25KA, 2000A	Fixed	400,730,000
36KV, 25KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	724,255,000
36KV, 25KA, 3150A	Fixed	496,580,000
36KV, 25KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	898,530,000
36KV, 31.5KA, 1250A	Fixed	435,340,000
36KV, 31.5KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	780,965,000
36KV, 31.5KA, 2000A	Fixed	468,835,000
36KV, 31.5KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	825,995,000
36KV, 31.5KA, 3150A	Fixed	592,380,000
36KV, 31.5KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	1,025,145,000
36KV, 40KA, 1250A	Fixed	485,435,000
36KV, 40KA, 1250A	Draw-out (H class for MCSG)	833,300,000
36KV, 40KA, 2000A	Fixed	522,770,000
36KV, 40KA, 2000A	Draw-out (H class for MCSG)	882,365,000
36KV, 40KA, 3150A	Fixed	660,485,000
36KV, 40KA, 3150A	Draw-out (H class for MCSG)	1,095,730,000